

Số: 10/BC-QSP

Bình Định, ngày 02 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Năm báo cáo: Năm 2021

I. Thông tin chung

1. Thông tin tổng quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100694020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 28/01/2008, thay đổi lần thứ 3 ngày 13/7/2020.
- Vốn điều lệ: 107.922.750.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 107.922.750.000 đồng
- Địa chỉ: 03 Nguyễn Dữ, P. Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Điện thoại/Fax: (0256) 3893888
- Website: www.quynhonnewport.vn
- Mã cổ phiếu: QSP
- Sàn giao dịch: UpCOM

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn được thành lập tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sáng lập ngày 27/01/2008 với các cổ đông: Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn, Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải và Công ty TNHH Mỹ Tài Bình Định; được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000182 ngày 28/01/2008, thay đổi lần 3 số 4100694020 ngày 13/7/2020.

Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu cảng container 30.000DWT (Dự án) của Công ty được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 35121000161 ngày 25/10/2009, thay đổi lần 2 ngày 05/09/2014.

Tháng 09/2009, Công ty triển khai thực hiện đầu tư Dự án. Đến tháng 10/2013, Công ty thực hiện hoàn thành và đưa vào sử dụng các hạng mục thuộc giai đoạn 1 của Dự án, được Cục Hàng hải Việt Nam công bố mở Bến cảng Tân Cảng Quy Nhơn tại Quyết định số 1011/QĐ-CHHVN ngày 23/10/2013 với khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải đến 30.000DWT và Quyết định điều chỉnh số 11/QĐ-CHHVN ngày 09/11/2015 với khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải đến 50.000DWT giảm tải.

Sau khi hoàn thành giai đoạn 1 của Dự án, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện giai đoạn 2 của Dự án. Đến năm 2017, Công ty hợp tác đầu tư trang thiết bị chuyên dùng khai thác hàng container và triển khai san lấp tạo bãi phần còn lại theo quy hoạch đã được duyệt (thuộc giai đoạn 2 của dự án). Tuy nhiên, theo phản ánh của các cơ quan báo chí việc đầu tư Dự án sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Cảng cá Quy Nhơn. Đến đầu năm 2018, UBND tỉnh Bình Định yêu cầu Công ty tạm dừng thực hiện giai đoạn 2 của Dự án cho đến nay.

Ngày 16/11/2015, Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn (mã chứng khoán QSP) đã được đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 110/2015/GCNCP-VSD.

Ngày 16/09/2016, Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn đã được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sàn giao dịch UpCOM tại quyết định số 579/QĐ-SGDHN với ngày giao dịch đầu tiên ngày 23/09/2016.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

➤ Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh được cấp phép bao gồm:

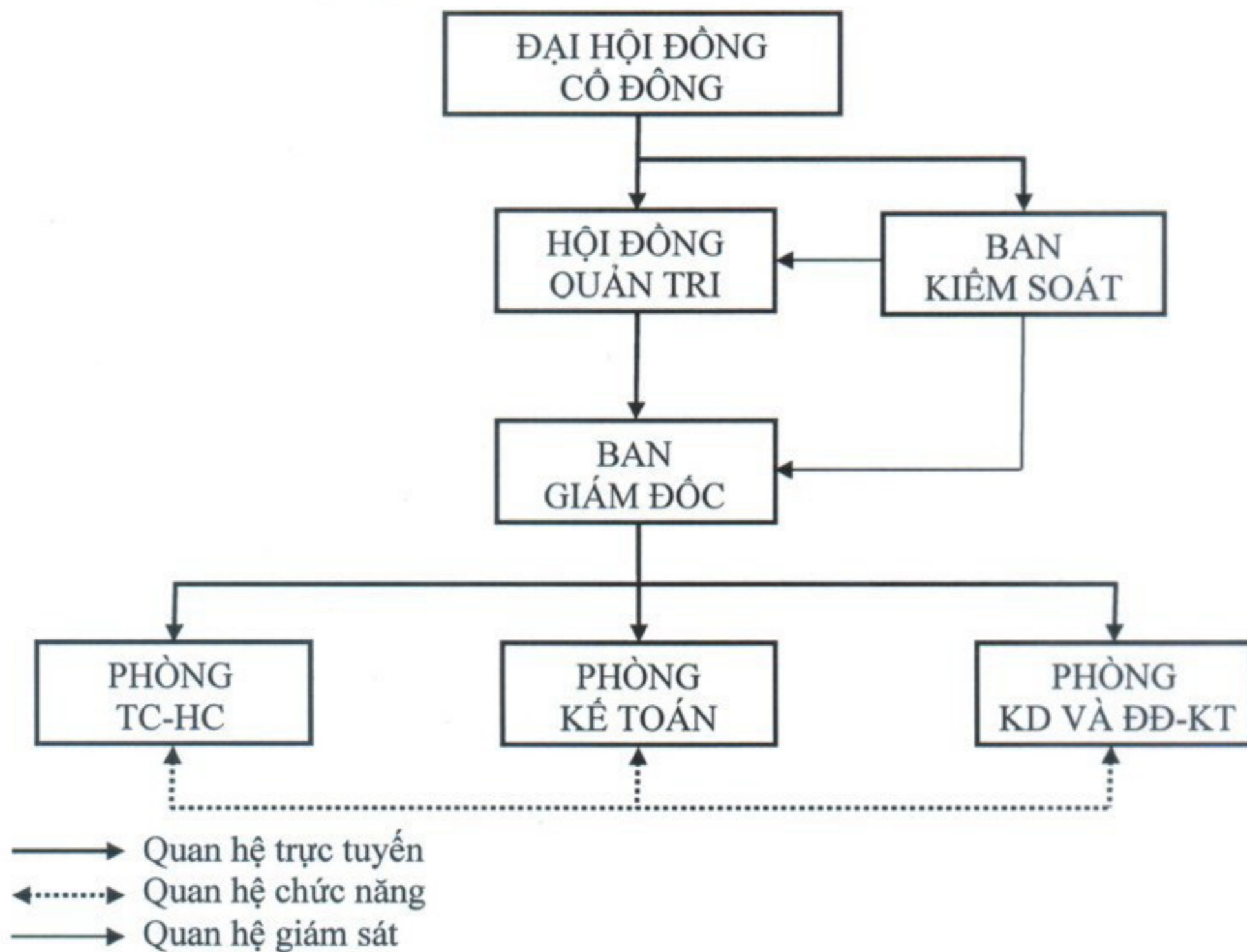
- Bốc xếp hàng hoá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

➤ Địa bàn kinh doanh: thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn có mô hình quản trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp năm 2020, cụ thể: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các phòng.

Cơ cấu tổ chức bộ máy:



4. Định hướng phát triển:

- Mục tiêu chủ yếu:

Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn được thành lập để huy động và sử dụng một cách hiệu quả nguồn vốn cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh khai thác cảng biển, các dịch vụ hàng hải và những lĩnh vực liên quan khác, nhằm đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa ngày càng cao trong tỉnh Bình Định nói riêng và các vùng, miền, khu vực lân cận nói chung. Qua đó hướng đến mục tiêu lợi nhuận tối đa cho các nhà đầu tư, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp tích cực vào Ngân sách Nhà nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Phát huy các nguồn lực hiện có, Công ty đã hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn để khai thác hiệu quả hạ tầng cầu cảng đã hoàn thành và cho thuê phần diện tích bãi đã san lấp.

+ Về dài hạn, lựa chọn thời điểm phù hợp để tiếp tục triển khai đầu tư các hạng mục còn lại theo Dự án được duyệt với mục tiêu là hiệu quả cao nhất cho cổ đông.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Bên cạnh các hoạt động đầu tư và kinh doanh, Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc bảo vệ môi trường. Ngoài ra, Công ty tích cực đóng góp các hoạt động xã hội và quan tâm đến lợi ích của người lao động trong Công ty.

5. Các rủi ro:

- Việc triển khai thực hiện giai đoạn 2 của Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu cảng container 30.000DWT còn phải đợi sự chấp thuận của UBND tỉnh.

- Sản lượng hàng hóa thông qua trong khu vực không đạt như kỳ vọng của dự án, đồng thời sự cạnh tranh của các doanh nghiệp khai thác cảng biển trên địa bàn.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2021

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

ĐVT: Đồng

| TT | Chỉ tiêu | Kế hoạch | Thực hiện | Hoàn thành (%) |
|----|----------------------|----------------|----------------|----------------|
| 1 | Tổng doanh thu | 41.697.000.000 | 41.500.700.356 | 99,5% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 29.528.000.000 | 31.167.322.229 | 100,0% |
| 3 | Thuế TNDN | 1.495.000.000 | 1.801.636.281 | 121,4% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 28.033.000.000 | 29.365.685.948 | 104,8% |

2. Tổ chức và nhân sự:

Danh sách Ban điều hành:

- Ông Phạm Văn Thành

Chức vụ: Giám đốc

Số CMND: 211707629

Ngày cấp: 01/02/2012

Nơi cấp: CA Bình Định

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thiện Thuật, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Ngày bổ nhiệm: 27/04/2017

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 10.000 cổ phần; Tỷ lệ 0,09%

- Ông Mai Quang Cường Chức vụ: Kế toán trưởng
Số CMND: 211722832 Ngày cấp: 15/10/2012 Nơi cấp: CA Bình Định
Địa chỉ: Số 34 Nguyễn Tư, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Ngày bổ nhiệm: 27/04/2017 Tỷ lệ sở hữu cổ phần: Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 09 người

- Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về tiền lương và chế độ bảo hiểm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- Trong năm, Công ty triển khai lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu cảng container 30.000DWT theo yêu cầu của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định.

- Thực hiện các bước trong công tác chuẩn bị đầu tư công trình Nạo vét duy tu khu nước trước bến.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

ĐVT: Đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | % tăng giảm |
|----------------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 175.238.718.269 | 185.506.878.632 | 5,90 |
| Doanh thu thuần | 40.376.872.035 | 40.443.686.065 | 0,20 |
| Lợi nhuận từ hoạt động KD | 28.085.108.798 | 31.167.322.229 | 11,00 |
| Lợi nhuận trước thuế | 28.085.108.798 | 31.167.322.229 | 11,00 |
| Lợi nhuận sau thuế | 27.101.573.676 | 29.365.685.948 | 8,40 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 17% | Theo NQ ĐHCĐ | |

b. Các chỉ tiêu khác:

| Các chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 |
|---|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn | 4,32 | 7,57 |
| + Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | 4,32 | 7,57 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,03 | 0,03 |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,04 | 0,03 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: | | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0,24 | 0,22 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | |
| + Hệ số LN sau thuế/DT thuần | 0,66 | 0,71 |
| + Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,16 | 0,16 |
| + Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản | 0,15 | 0,16 |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/DT thuần | 0,68 | 0,75 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Loại Cổ phần: Phổ thông
- Tổng số cổ phần: 10.792.275 Cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/Cổ phần
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 10.792.275 Cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

Tình hình cơ cấu Cổ đông của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn được tổng hợp theo danh sách cổ đông được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 14/5/2021 như sau:

| TT | Đối tượng | Số cổ đông | Số cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|----------|--|---------------|-------------------|--------------|
| 1 | Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ | 867 | 10.792.275 | 100 |
| 1.1 | Cổ đông lớn (sở hữu > 5% tổng số CP) | 1 | 1.800.000 | 16,68 |
| 2.2 | Cổ đông nhỏ | 866 | 8.992.275 | 83,32 |
| 2 | Cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân | 867 | 10.792.275 | 100 |
| 2.1 | Cổ đông tổ chức | 9 | 2.350.514 | 21,78 |
| 2.2 | Cổ đông cá nhân | 858 | 8.441.761 | 78,22 |
| 3 | Cổ đông trong nước, CĐ ngoài nước | 867 | 10.792.275 | 100 |
| 3.1 | Cổ đông trong nước | 863 | 10.760.875 | 99,71 |
| | Tổ chức | 7 | 2.330.114 | 21,59 |
| | Cá nhân | 856 | 8.430.761 | 78,12 |
| 3.2 | Cổ đông ngoài nước | 4 | 31.400 | 0,29 |
| | Tổ chức | 2 | 20.400 | 0,19 |
| | Cá nhân | 2 | 11.000 | 0,10 |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ và các chứng khoán khác: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Ban Giám đốc hoàn thành kế hoạch năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản: Tài sản cố định của Công ty bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

| Chỉ tiêu | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|--------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 187.584.997.864 | 40.381.974.506 | 147.203.023.358 |
| Mua trong năm | - | 5.689.540.706 | - |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | 187.584.997.864 | 46.071.515.212 | 141.513.482.652 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán)

b) Tình hình nợ phải trả:

ĐVT: Đồng

| TT | Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 |
|----|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| 1 | Phải trả dài hạn khác | 300.000.000 | 300.000.000 |
| 2 | Phải trả người bán | 752.412.613 | 41.691.513 |
| 3 | Thuế các khoản phải nộp Nhà nước | 1.191.618.359 | 1.718.376.175 |
| 4 | Phải trả người lao động | 183.037.687 | 167.171.016 |
| 5 | Chi phí phải trả | 2.441.391.727 | 2.450.991.727 |
| 6 | Phải trả ngắn hạn khác | 15.183.116 | 19.604.986 |
| 7 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 1.172.626.378 | 1.339.518.867 |
| | Tổng cộng | 6.056.269.880 | 6.037.354.284 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: không

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Công ty hợp tác với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn để khai thác hiệu quả hạ tầng cầu cảng đã hoàn thành và cho thuê phần bãi đã san lấp, lựa chọn thời điểm thích hợp để tiếp tục triển khai đầu tư các hạng mục còn lại theo dự án được duyệt với mục tiêu là hiệu quả cao nhất cho cổ đông.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội:

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty thực hiện đầy đủ công tác bảo vệ môi trường theo quy định của Pháp luật. Theo quy định, định kỳ cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra công tác bảo vệ môi trường cũng như công tác phòng cháy chữa cháy của Công ty.

- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Chăm lo đầy đủ các chế độ đối với người lao động Công ty.

- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đóng góp tích cực đối với cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn như hiện nay, nhưng được sự quan tâm của các cấp chính quyền địa phương, được sự giám sát chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị và sự nỗ lực của Ban lãnh đạo Công ty đã hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban Giám đốc Công ty thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; tổ chức triển khai thực hiện đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, kịp thời và hiệu quả trong việc báo cáo

đề xuất các vấn đề để Hội đồng quản trị xem xét quyết định đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chỉ đạo tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, tiếp tục chỉ đạo triển khai đầu tư dự án và khai thác dự án một cách hiệu quả nhất.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị:

➤ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty gồm 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên điều hành (Giám đốc Công ty). Cụ thể:

| TT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu CP | | Ghi chú |
|----|-----------------|------------|-----------------|-----------------|---|
| | | | Cá nhân sở hữu | Đại diện sở hữu | |
| 1 | Nguyễn Hữu Phúc | Chủ tịch | 1,05% | 3,34% | Đại diện sở hữu phần vốn Cty TNHH Đại Phước |
| 2 | Nguyễn Tín Dân | Thành viên | 0,93% | | |
| 3 | Phạm Văn Thành | Thành viên | 0,09% | | Kiểm Giám đốc |

➤ Các hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2021, Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp và lấy ý kiến biểu quyết, qua đó thông qua các nội dung trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động đầu tư của Công ty. Cụ thể:

- Ngày 24/02/2021, Hội đồng quản trị thống nhất các nội dung: Thay đổi chủ thể thực hiện hợp đồng thuê bãi; Giao Giám đốc công ty thực hiện ký kết chấm dứt hợp đồng với chủ thể cũ và ký kết hợp đồng với chủ thể mới;

- Ngày 01/3/2021, Hội đồng quản trị thống nhất các nội dung: Kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021; Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán; Công tác chuẩn bị tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

- Ngày 25/3/2021, Hội đồng quản trị thống nhất thời gian, địa điểm và thành phần tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; thống nhất nội dung báo cáo và tờ trình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

- Ngày 27/4/2021, Hội đồng quản trị thống nhất các nội dung liên quan việc chi trả cổ tức năm 2020;

- Ngày 25/10/2021, Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương đầu tư và giao Giám đốc Công ty thương thảo, ký hợp đồng tư vấn xây dựng nạo vét duy tu khu nước trước bến.

2. Ban kiểm soát:

➤ Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| STT | Thành viên Ban kiểm soát | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu CP |
|-----|--------------------------|------------|-----------------|
| 1 | Nguyễn Kim Toàn | Trưởng ban | 0 |
| 2 | Trịnh Xuân Sơn | Thành Viên | 0,17% |
| 3 | Trần Hữu Hiếu | Thành Viên | 0 |

➤ Các hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát Công ty tham gia và đóng góp ý kiến tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị;

- Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty: Giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông;

- Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

- Trong năm, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp với các nội dung chủ yếu: Rà soát Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty; Hoàn thiện Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; Rà soát công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Số tiền (đồng) | Ghi chú |
|------------|-----------------------------------|----------------|----------------|---------|
| I | Hội đồng quản trị | | | |
| 1 | Nguyễn Hữu Phúc | Chủ tịch HĐQT | 48.000.000 | |
| 2 | Nguyễn Tín Dân | TV HĐQT | 31.200.000 | |
| 3 | Phạm Văn Thành | TV HĐQT | 31.200.000 | |
| II | Ban Kiểm soát | | | |
| 1 | Nguyễn Kim Toàn | Trưởng Ban KS | 16.800.000 | |
| 2 | Trịnh Xuân Sơn | TV Ban KS | 9.000.000 | |
| 3 | Trần Hữu Hiếu | TV Ban KS | 9.000.000 | |
| III | Giám đốc và Cán bộ quản lý | | | |
| 1 | Phạm Văn Thành | Giám đốc | 562.542.572 | |
| 2 | Mai Quang Cường | Kế toán trưởng | 351.587.447 | |

(Nguồn Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán)

- b) Giao dịch cổ phần cổ đông nội bộ: Không
- c) Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: Không
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

VI. Báo cáo tài chính:

1) Ý kiến kiểm toán: (Trích từ Báo cáo kiểm toán độc lập)

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt kiểm toán theo quy định của pháp luật, được đăng tải lên website Công ty tại địa chỉ <http://www.quynhonnewport.vn/> và đính kèm báo cáo này.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Website Công ty;
- Lưu TC-HC.



Phạm Văn Thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TÂN CẢNG QUY NHƠN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

MỤC LỤC

| | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 6 - 7 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 8 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 9 |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 10 - 31 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm</u> | <u>Ngày miễn nhiệm</u> |
|--------------------------------------|----------------|----------------------|------------------------|
| <u>Hội đồng quản trị</u> | | | |
| Ông Nguyễn Hữu Phúc | Chủ tịch | 25/4/2019 | |
| Ông Nguyễn Tín Dân | Thành viên | 21/4/2017 | |
| Ông Phạm Văn Thành | Thành viên | 25/4/2019 | |
| <u>Ban kiểm soát</u> | | | |
| Ông Nguyễn Kim Toàn | Trưởng ban | 21/4/2017 | |
| Ông Trịnh Xuân Sơn | Thành viên | 21/4/2017 | |
| Ông Trần Hữu Hiếu | Thành viên | 21/4/2017 | |
| <u>Ban điều hành, quản lý</u> | | | |
| Ông Phạm Văn Thành | Giám đốc | 21/4/2017 | |
| Ông Mai Quang Cường | Kế toán trưởng | 21/4/2017 | |

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Phạm Văn Thành, chức danh Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



PHẠM VĂN THÀNH - Giám đốc

Bình Định, ngày 21 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn, được lập ngày 21 tháng 02 năm 2022, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2022

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN CAO HOÀI THU - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2018-037-1

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B01-DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 43.457.248.395 | 26.186.308.036 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 187.290.000 | 22.263.077.358 |
| 1. Tiền | 111 | | 187.290.000 | 63.077.358 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 22.200.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 27.800.000.000 | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 27.800.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 15.469.724.113 | 3.917.775.288 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 14.631.253.701 | 3.709.689.124 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 198.440.000 | 89.490.000 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 640.030.412 | 118.596.164 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 234.282 | 5.455.390 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.10 | 234.282 | 5.455.390 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 142.049.630.237 | 149.052.410.233 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 141.513.482.652 | 147.203.023.358 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.6 | 141.513.482.652 | 147.203.023.358 |
| Nguyên giá | 222 | | 187.584.997.864 | 187.584.997.864 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (46.071.515.212) | (40.381.974.506) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 366.999.210 | 300.423.755 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.7 | 366.999.210 | 300.423.755 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 169.148.375 | 1.548.963.120 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8 | 53.858.788 | 1.446.413.296 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.9 | 115.289.587 | 102.549.824 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 185.506.878.632 | 175.238.718.269 |

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 6.037.354.284 | 6.056.269.880 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 5.737.354.284 | 5.756.269.880 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10 | 41.691.513 | 752.412.613 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.11 | 1.718.376.175 | 1.191.618.359 |
| 3. Phải trả người lao động | 314 | | 167.171.016 | 183.037.687 |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.12 | 2.450.991.727 | 2.441.391.727 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.13a | 19.604.986 | 15.183.116 |
| 6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.14 | 1.339.518.867 | 1.172.626.378 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | V.13b | 300.000.000 | 300.000.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 179.469.524.348 | 169.182.448.389 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15 | 179.469.524.348 | 169.182.448.389 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 107.922.750.000 | 107.922.750.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | <i>411a</i> | | <i>107.922.750.000</i> | <i>107.922.750.000</i> |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 42.181.088.400 | 34.158.124.713 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 29.365.685.948 | 27.101.573.676 |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i> | <i>421a</i> | | <i>-</i> | <i>-</i> |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i> | <i>421b</i> | | <i>29.365.685.948</i> | <i>27.101.573.676</i> |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 185.506.878.632 | 175.238.718.269 |

Bình Định, ngày 21 tháng 02 năm 2022

**PHẠM VĂN THÀNH**
Giám đốc**MAI QUANG CƯỜNG**
Kế toán trưởng**MAI QUANG CƯỜNG**
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MÃU B02-DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|----------------|----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 40.443.686.065 | 40.376.872.035 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 40.443.686.065 | 40.376.872.035 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 7.444.685.632 | 10.083.800.871 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 32.999.000.433 | 30.293.071.164 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 1.057.014.291 | 859.162.970 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | - | 201.474.389 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | - | 201.474.389 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.4 | 2.888.692.495 | 2.788.464.616 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 31.167.322.229 | 28.162.295.129 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | - | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | | - | 77.186.331 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | VI.5 | - | (77.186.331) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 31.167.322.229 | 28.085.108.798 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.6 | 1.814.376.044 | 1.086.084.946 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | V.9 | (12.739.763) | (102.549.824) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 29.365.685.948 | 27.101.573.676 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.7a | 2.648 | 2.438 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.7b | 2.648 | 2.438 |

Bình Định, ngày 21 tháng 02 năm 2022

PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng

MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|------------------|------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 31.167.322.229 | 28.085.108.798 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 5.689.540.706 | 5.282.640.975 |
| - Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (1.057.014.291) | (781.976.639) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | 201.474.389 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 35.799.848.644 | 32.787.247.523 |
| - (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu | 09 | VII | (11.025.293.469) | 184.951.245 |
| - (Giảm) các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | VII | (688.521.053) | (14.244.606) |
| - Giảm/ (Tăng) chi phí trả trước | 12 | | 1.392.554.508 | 4.004.063.287 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | (201.474.389) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (1.316.084.946) | (1.357.312.021) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (564.850.000) | (530.725.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 23.597.653.684 | 34.872.506.039 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (66.575.455) | (4.890.457.769) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (33.900.000.000) | (7.100.000.000) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 6.100.000.000 | 19.400.000.000 |
| 4. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng | 27 | VII | 535.580.043 | 837.765.848 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (27.330.995.412) | 8.247.308.079 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | (7.190.462.397) |
| 2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | VII | (18.342.445.630) | (17.338.280.891) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (18.342.445.630) | (24.528.743.288) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (22.075.787.358) | 18.591.070.830 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 22.263.077.358 | 3.672.006.528 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 187.290.000 | 22.263.077.358 |



Bình Định, ngày 21 tháng 02 năm 2022

PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng

MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000182 ngày 28 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ ba số 4100694020 vào ngày 13 tháng 7 năm 2020.

Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 35121000161 ngày 26 tháng 10 năm 2009 về việc đầu tư dự án: Xây dựng công trình cầu cảng Container 30.000DWT - Cảng Quy Nhơn. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi đến lần thứ hai ngày 5 tháng 9 năm 2014 về việc điều chỉnh tiến độ dự án đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được phép đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 579/QĐ-SGDHN ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng 10.792.275 cổ phiếu niêm yết tương ứng 107.922.750.000 VND. Ngày 23 tháng 9 năm 2016, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn đã chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là QSP.

- **Vốn điều lệ** : 107.922.750.000 VND
- Số cổ phiếu : 10.792.275 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

| Stt | Tên cổ đông | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VND) | Tỷ lệ (%) |
|-----|-------------------------------|-------------------|--------------------------|----------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn | 1.800.000 | 18.000.000.000 | 16,68% |
| 2 | Cổ đông khác | 8.992.275 | 89.922.750.000 | 83,32% |
| | Cộng | 10.792.275 | 107.922.750.000 | 100,00% |

• Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.
- Điện thoại : (84 - 256) 3 893239
- Fax : (84 - 256) 3 893888
- Mã số thuế : 4 1 0 0 6 9 4 0 2 0

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Bốc xếp hàng hóa (chi tiết: kinh doanh bốc xếp);

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: mua bán vật tư, thiết bị phục vụ cho cảng);

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (chi tiết: kinh doanh kho bãi);

Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (chi tiết: kinh doanh vận chuyển hàng hóa đường biển);

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: dịch vụ đại lý vận tải thủy và bộ, dịch vụ cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển);

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (chi tiết: dịch vụ lai dắt tàu biển).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 9 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 9 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm đầu tiên bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là kỳ kế toán năm thứ 13 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền cho thuê kho bãi, cho thuê cầu cảng.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|--------------------------|---------------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 6 - 40 |
| Máy móc thiết bị | 6 |

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính trong vòng 3 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm cổ tức và lợi nhuận phải trả, các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ và các khoản phải trả khác.

11. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

12. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày Báo

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

14. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|---------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 230.863 | 2.576.053 |
| Tiền gửi ngân hàng | 187.059.137 | 60.501.305 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 22.200.000.000 |
| Cộng | <u>187.290.000</u> | <u>22.263.077.358</u> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|------------|----------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 27.800.000.000 | 27.800.000.000 | - | - |
| Cộng | 27.800.000.000 | 27.800.000.000 | - | - |

Tiền gửi kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn với lãi suất 3,7%/năm đến 4,9%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (*) | 13.658.879.300 | 2.731.775.860 |
| Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định | 610.416.972 | 610.043.346 |
| Công ty TNHH Hào Hưng Long An | 177.021 | 367.869.918 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Hào Hưng Phát | 361.780.408 | |
| Cộng | 14.631.253.701 | 3.709.689.124 |

(*) Đây là công nợ với bên liên quan, xem Thuyết minh số VIII.2

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | | |
|---|--------------------|-------------------|
| Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Huy Hoàng | 44.490.000 | 44.490.000 |
| Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Công Trình Hàng Hải | 108.950.000 | - |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường miền Trung | 45.000.000 | 45.000.000 |
| Cộng | 198.440.000 | 89.490.000 |

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Dự thu lãi tiền gửi | 640.030.412 | - | 118.596.164 | - |
| Cộng | 640.030.412 | - | 118.596.164 | - |

6. Tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | | Máy móc thiết bị | Cộng |
|----------------|------------------------|------------|------------------|-----------------|
| | Nguyên giá | Số đầu năm | | |
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 187.541.906.955 | 43.090.909 | | 187.584.997.864 |
| Tăng trong năm | - | - | | - |
| Giảm trong năm | - | - | | - |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Cộng |
|---|---------------------------|-------------------|------------------------|
| Số cuối năm | 187.541.906.955 | 43.090.909 | 187.584.997.864 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số đầu năm | 40.344.353.585 | 37.620.921 | 40.381.974.506 |
| Tăng trong năm | 5.684.070.718 | 5.469.988 | 5.689.540.706 |
| Khấu hao trong kỳ | 5.684.070.718 | 5.469.988 | 5.689.540.706 |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | 46.028.424.303 | 43.090.909 | 46.071.515.212 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 147.197.553.370 | 5.469.988 | 147.203.023.358 |
| Số cuối năm | 141.513.482.652 | - | 141.513.482.652 |
| Nguyên giá của tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: | | | |
| Số đầu năm | 45.564.909 | - | 45.564.909 |
| Số cuối năm | 45.564.909 | 43.090.909 | 88.655.818 |

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|--------------------|
| Dự án đầu tư xây dựng cầu cảng container 30.000 DWT | 25.000.000 | - |
| Dự án Nạo vét duy tu khu nước | 41.575.455 | - |
| Hạng mục công trình san lấp tạo bãi đợt 2 | 300.423.755 | 300.423.755 |
| Cộng | 366.999.210 | 300.423.755 |

8. Chi phí trả trước dài hạn

| | | |
|---|-------------------|----------------------|
| Chi phí dụng cụ văn phòng | 53.858.788 | 88.435.556 |
| Chi phí nạo vét duy tu khu nước trước bến | - | 1.357.977.740 |
| Cộng | 53.858.788 | 1.446.413.296 |

9. Thuế thu nhập hoãn lại

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các chi phí phải trả trong năm và kỳ kế toán trước, chi tiết như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 102.549.824 | - |
| Chuyển sang lợi nhuận trong năm | 12.739.763 | 102.549.824 |
| Số cuối năm | 115.289.587 | 102.549.824 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải | 33.046.613 | 33.046.613 | 33.046.613 | 33.046.613 |
| Công ty TNHH VTB Cửu Long Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường | - | - | 719.366.000 | 719.366.000 |
| | 8.644.900 | 8.644.900 | - | - |
| Cộng | 41.691.513 | 41.691.513 | 752.412.613 | 752.412.613 |

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| Chi tiêu | Số đầu năm | Số phải nộp | Số đã nộp | Số cuối năm |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán / dịch vụ cung cấp trong nước | 997.176.860 | 3.997.437.806 | 3.972.319.651 | 1.022.295.015 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 186.084.946 | 1.874.376.044 | 1.316.084.946 | 744.376.044 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.901.163 | 793.840.206 | 785.270.535 | 11.470.834 |
| <i>Thuế thu nhập các nhân phải nộp</i> | 8.356.553 | 788.619.098 | 785.270.535 | 11.705.116 |
| <i>Thuế thu nhập các nhân phải thu (*)</i> | (5.455.390) | 5.221.108 | - | (234.282) |
| Tiền thuê đất | - | 437.967.785 | 437.967.785 | - |
| Các loại thuế khác | - | 12.955.781 | 12.955.781 | - |
| <i>Thuế môn bài</i> | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| <i>Thuế đất phi nông nghiệp</i> | - | 9.955.781 | 9.955.781 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 30.114.162 | 30.114.162 | - |
| Cộng | 1.186.162.969 | 7.146.691.784 | 6.554.712.860 | 1.778.141.893 |

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

| | | |
|---|----------------------|----------------------|
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*) | 5.455.390 | 234.282 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | <u>1.191.618.359</u> | <u>1.778.376.175</u> |

• **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10%

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**
Xem Thuyết minh số VI.6
- **Các loại thuế khác**
Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo qui định hiện hành.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Phải trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát | 145.200.000 | 135.600.000 |
| Chi phí công trình | 2.305.791.727 | 2.305.791.727 |
| Cộng | 2.450.991.727 | 2.441.391.727 |

13. Phải trả khác

| | | |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| a) Ngắn hạn | 19.604.986 | 15.183.116 |
| Cổ tức phải trả cho cổ đông | 19.604.986 | 15.183.116 |
| b) Dài hạn | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Công ty Cổ phần TMDV Công Thành | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Cộng | 319.604.986 | 315.183.116 |

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1.172.626.378 | 972.214.113 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm | 731.742.489 | 731.137.265 |
| Chi các quỹ trong năm | (564.850.000) | (530.725.000) |
| Số cuối năm | 1.339.518.867 | 1.172.626.378 |

15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Năm trước | | | | |
| Số đầu năm | 107.922.750.000 | 26.945.272.141 | 25.211.629.837 | 160.079.651.978 |
| Lãi trong năm | - | - | 27.101.573.676 | 27.101.573.676 |
| Trích lập các quỹ | - | 7.212.852.572 | (7.943.989.837) | (731.137.265) |
| Chia cổ tức | - | - | (17.267.640.000) | (17.267.640.000) |
| Số cuối năm | 107.922.750.000 | 34.158.124.713 | 27.101.573.676 | 169.182.448.389 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Năm nay | | | | |
| Số đầu năm | 107.922.750.000 | 34.158.124.713 | 27.101.573.676 | 169.182.448.389 |
| Lãi trong năm | - | - | 29.365.685.948 | 29.365.685.948 |
| Trích lập các quỹ | - | 8.022.963.687 | (8.754.706.176) | (731.742.489) |
| Chia cổ tức | - | - | (18.346.867.500) | (18.346.867.500) |
| Số cuối năm | 107.922.750.000 | 42.181.088.400 | 29.365.685.948 | 179.469.524.348 |

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 107.922.750.000 VND đã được góp đủ đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

| Cổ đông | Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | | Vốn đã góp | |
|--------------------------------|---|----------------|------------------------|------------------------|
| | VND | % | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn | 18.000.000.000 | 16,68% | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 89.922.750.000 | 83,32% | 89.922.750.000 | 89.922.750.000 |
| Cộng | 107.922.750.000 | 100,00% | 107.922.750.000 | 107.922.750.000 |

Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 10.792.275 | 10.792.275 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 10.792.275 | 10.792.275 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 10.792.275 | 10.792.275 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 10.792.275 | 10.792.275 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 10.792.275 | 10.792.275 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chia cổ tức cho các cổ đông | 18.346.867.500 | 17.267.640.000 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | 8.022.963.687 | 7.212.852.572 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 731.742.489 | 731.137.265 |
| Cộng | <u>27.101.573.676</u> | <u>25.211.629.837</u> |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| a) Doanh thu | | |
| Doanh thu khai thác cầu cảng | 27.600.000.000 | 27.600.000.000 |
| Doanh thu cho thuê bãi | 12.843.686.065 | 12.776.872.035 |
| Cộng | <u>40.443.686.065</u> | <u>40.376.872.035</u> |
| b) Doanh thu đối với bên liên quan | | |
| Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn | 29.801.191.200 | 29.801.191.200 |
| Cộng | <u>29.801.191.200</u> | <u>29.801.191.200</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | | |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Giá vốn hàng bán dịch vụ cho thuê cầu cảng | 6.337.802.657 | 8.855.594.065 |
| Giá vốn hàng bán dịch vụ cho thuê kho bãi | 1.106.882.975 | 1.228.206.806 |
| Cộng | <u>7.444.685.632</u> | <u>10.083.800.871</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | | |
|---------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 4.114.837 | 3.841.330 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 1.052.899.454 | 855.321.640 |
| Cộng | <u>1.057.014.291</u> | <u>859.162.970</u> |

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | | |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí nhân viên | 1.943.651.700 | 1.843.616.205 |
| Chi phí nguyên vật liệu | 8.287.500 | 13.838.266 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 60.883.223 | 21.531.937 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 165.631.361 | 42.201.963 |
| Thuế, phí và lệ phí | 89.505.880 | 187.249.360 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 125.138.196 | 143.251.222 |
| Chi phí bằng tiền khác | 495.594.635 | 536.775.663 |
| Cộng | <u>2.888.692.495</u> | <u>2.788.464.616</u> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Lợi nhuận (lỗ) khác**

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|---------|---------------------|
| Thu nhập khác | - | - |
| Thu nhập khác | - | - |
| Chi phí khác | - | 77.186.331 |
| Lỗ thanh lý tài sản cố định | - | 77.186.331 |
| Lợi nhuận (lỗ) khác thuần | - | (77.186.331) |

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 31.167.322.229 | 28.085.108.798 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | 580.354.250 | 1.116.898.989 |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | - | - |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 580.354.250 | 1.116.898.989 |
| Thu nhập chịu thuế | 31.747.676.479 | 29.202.007.787 |
| Trong đó: | | |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính | 30.694.777.025 | 29.202.007.787 |
| Thu nhập từ hoạt động khác | 1.052.899.454 | - |
| Thuế suất áp dụng | | |
| Thuế suất áp dụng cho hoạt động kinh doanh chính | 10% | 10% |
| Thuế suất áp dụng cho hoạt động đầu tư tài chính | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 3.280.057.593 | 2.920.200.779 |
| Trừ: Thuế được giảm do ưu đãi đầu tư | (1.534.738.851) | (1.460.100.390) |
| Trừ: Thuế được giảm 30% theo ND114/2020/ND-CP | - | (438.030.117) |
| Cộng: Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước | 69.057.302 | 64.014.674 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 1.814.376.044 | 1.086.084.946 |

Công ty được hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 10% áp dụng trong thời gian là 15 năm cho thu nhập từ hoạt động chính (Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Công ty được miễn 4 năm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (Điểm a, Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Năm 2021 là năm thứ 12 doanh nghiệp được hưởng mức thuế suất là 10% và là năm thứ 7 được ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 9 năm 2020.

Công ty không được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2021 theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP của Chính phủ do doanh thu năm 2021 của Công ty lớn hơn năm 2019.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Lãi trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 29.365.685.948 | 27.101.573.676 |
| Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (792.873.521) | (785.945.637) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 28.572.812.427 | 26.315.628.039 |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 10.792.275 | 10.792.275 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 2.648 | 2.438 |

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 28.572.812.427 | 26.315.628.039 |
| Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu | - | - |
| Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng | 28.572.812.427 | 26.315.628.039 |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 10.792.275 | 10.792.275 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm | - | - |
| <i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng | 10.792.275 | 10.792.275 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 2.648 | 2.438 |

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | | |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 69.170.723 | 35.370.203 |
| Chi phí nhân công | 1.943.651.700 | 1.843.616.205 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 5.689.540.706 | 5.282.640.975 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.135.420.363 | 5.173.862.441 |
| Chi phí khác bằng tiền | 495.594.635 | 536.775.663 |
| Cộng | 10.333.378.127 | 12.872.265.487 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|----------------|------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu | 640.030.412 | 118.596.164 |
| Phải trả cổ tức | 19.604.986 | 15.183.116 |

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

| | | |
|--|-------------|------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong năm | 118.596.164 | 97.199.042 |
| Phải trả cổ tức năm trước đã trả trong năm | 15.183.116 | 85.824.007 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Trong vòng 1 năm | 625.668.264 | 606.850.644 |
| Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5 | 2.502.673.056 | 2.427.402.576 |
| Sau 5 năm | 20.571.638.646 | 20.538.690.210 |
| Cộng | 23.699.979.966 | 23.572.943.430 |

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện:

- Tiền thuê 121.560 m² đất bao gồm 12.761,5 m² đất chuyên dùng và 108.798,5 m² đất mặt nước thuộc phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn để xây dựng cảng container 30.000 DWT theo Hợp đồng thuê đất số 112/HĐ-TĐ ngày 5 tháng 11 năm 2009 được ký kết với UBND tỉnh Bình Định. Thời hạn thuê từ ngày 14 tháng 10 năm 2009 đến ngày 14 tháng 10 năm 2059.
- Tiền thuê 1.038,5 m² đất tại phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn để xây dựng văn phòng theo Hợp đồng thuê đất số 19/HĐ-TĐ ngày 19 tháng 02 năm 2011 được ký kết với UBND tỉnh Bình Định. Thời hạn thuê từ ngày 10 tháng 01 năm 2011 đến ngày 10 tháng 01 năm 2061.

Các đơn giá đất ổn định trong 5 năm đầu và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo theo quy định của Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006.

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Trong vòng 1 năm | 40.298.295.720 | 40.298.295.720 |
| Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5 | 127.438.306.880 | 140.136.602.600 |
| Sau 5 năm | - | 27.600.000.000 |
| Cộng | <u>167.736.602.600</u> | <u>208.034.898.320</u> |

Các khoản cho thuê hoạt động thể hiện:

- Tiền cho Công ty TNHH Hào Hưng Long An (nay là Chi nhánh Công ty TNHH Hào Hưng Phát) thuê 22.366 m² mặt bằng bãi cảng gắn liền với cơ sở hạ tầng (trước ngày 10 tháng 8 năm 2019) và 14.527 m² mặt bằng bãi cảng gắn liền với cơ sở hạ tầng (từ ngày 10 tháng 8 năm 2019) theo Hợp đồng kinh tế số 2503/2013/HĐKT ngày 25 tháng 3 năm 2013 kèm theo Hợp đồng điều chỉnh, bổ sung số 0208/2019/ĐCBS-HĐKT ngày 02 tháng 8 năm 2019 để đầu tư xây dựng bãi chứa dầm gỗ rời và lắp đặt hệ thống băng tải để chuyên dầm xuống tàu. Thời hạn thuê 10 năm kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2013.
- Tiền cho Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn thuê 7.839 m² mặt bằng bãi cảng gắn liền với cơ sở hạ tầng theo Hợp đồng kinh tế số 168/THO/2019/02B ngày 10 tháng 8 năm 2019 để lắp đặt 02 hệ thống cầu nâng xe tải, băng tải làm hàng dầm gỗ và chứa hàng. Thời hạn thuê từ ngày 10 tháng 8 năm 2019 đến ngày 30 tháng 4 năm 2023.
- Tiền cho Công ty TNHH Sản xuất Dầm gỗ Bình Định thuê 19.980 m² mặt bằng bãi cảng gắn liền với cơ sở hạ tầng theo Hợp đồng thuê một phần diện tích mặt bằng bãi cảng để đầu tư xây dựng bãi chứa dầm gỗ rời ngày 01 tháng 4 năm 2010. Thời hạn thuê 10 năm kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2010. Năm 2020 được gia hạn thêm 5 năm kể từ ngày 01/04/2020 đến 31/3/2025 theo hợp đồng điều chỉnh bổ sung số 16-03/ĐCBS-HĐKT.
- Tiền cho Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn khai thác sử dụng hạ tầng cầu cảng của Công ty bao gồm các hạng mục cầu tàu - kè sau cầu, hệ thống điện chiếu sáng cầu cảng và đường kết nối từ cầu cảng của Công ty đến cầu cảng của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn theo Hợp đồng số 168/2017/HĐKT ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các phụ lục có liên quan. Thời hạn cho khai thác sử dụng là 10 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Các đơn giá cho thuê ổn định trong 5 năm đầu và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo theo các thỏa thuận giữa các bên, riêng đơn giá cho Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn khai thác sử dụng hạ tầng cầu cảng được xác định theo từng năm.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|-------------------------------|--------------------------------|
| Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn | Cổ đông góp vốn (tỷ lệ 16,68%) |

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn | | |
| Chia cổ tức | 3.060.000.000 | 2.880.000.000 |
| Doanh thu cho thuê bãi và khai thác cầu cảng | 29.801.191.200 | 29.801.191.200 |
| Tiền điện phải trả | <u>117.411.508</u> | <u>94.203.079</u> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn | | |
| Phải thu tiền cho thuê bãi và khai thác cầu cảng | <u>13.658.879.300</u> | <u>2.731.775.860</u> |
| Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt | | |

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Thù lao của Hội đồng quản trị, tiền lương của Giám đốc | 526.502.572 | 522.484.570 |
| Thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị | 48.000.000 | 45.600.000 |
| Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị (2 người) | 62.400.000 | 57.600.000 |
| Tiền lương Giám đốc | 416.102.572 | 419.284.570 |
| Thù lao Ban kiểm soát | 34.800.000 | 32.400.000 |
| Thù lao của Trưởng Ban kiểm soát | 16.800.000 | 15.600.000 |
| Thù lao của Thành viên Ban kiểm soát (2 người) | 18.000.000 | 16.800.000 |
| Cộng | <u>561.302.572</u> | <u>554.884.570</u> |

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 187.290.000 | 187.290.000 | 22.263.077.358 | 22.263.077.358 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 27.800.000.000 | 27.800.000.000 | - | - |
| Phải thu của khách hàng | 14.631.253.701 | 14.631.253.701 | 3.709.689.124 | 3.709.689.124 |
| Phải thu khác | 640.030.412 | 640.030.412 | 118.596.164 | 118.596.164 |
| Cộng | <u>43.258.574.113</u> | <u>43.258.574.113</u> | <u>26.091.362.646</u> | <u>26.091.362.646</u> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả cho người bán | 41.691.513 | 41.691.513 | 752.412.613 | 752.412.613 |
| Chi phí phải trả | 2.305.791.727 | 2.305.791.727 | 2.305.791.727 | 2.305.791.727 |
| Phải trả khác | 319.604.986 | 319.604.986 | 315.183.116 | 315.183.116 |
| Cộng | 2.667.088.226 | 2.667.088.226 | 3.373.387.456 | 3.373.387.456 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác tương đương với giá trị sổ sách của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là khai thác cầu cảng và cho thuê bãi, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì Công ty chỉ có 3 khách hàng quen thuộc và

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, không có nợ quá hạn khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Cộng |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Tài sản tài chính | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 187.290.000 | - | 187.290.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 27.800.000.000 | - | 27.800.000.000 |
| Phải thu của khách hàng | 14.631.253.701 | - | 14.631.253.701 |
| Phải thu khác | 640.030.412 | - | 640.030.412 |
| Cộng | 43.258.574.113 | - | 43.258.574.113 |
| Nợ phải trả tài chính | | | |
| Phải trả cho người bán | 41.691.513 | - | 41.691.513 |
| Chi phí phải trả | 2.305.791.727 | - | 2.305.791.727 |
| Phải trả khác | 19.604.986 | 300.000.000 | 319.604.986 |
| Cộng | 2.367.088.226 | 300.000.000 | 2.667.088.226 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 40.891.485.887 | (300.000.000) | 40.591.485.887 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Cộng |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | | | |
| Tài sản tài chính | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 22.263.077.358 | | 22.263.077.358 |
| Phải thu của khách hàng | 3.709.689.124 | | 3.709.689.124 |
| Phải thu khác | 118.596.164 | | 118.596.164 |
| Cộng | 26.091.362.646 | | 26.091.362.646 |
| Nợ phải trả tài chính | | | |
| Phải trả cho người bán | 752.412.613 | - | 752.412.613 |
| Chi phí phải trả | 2.305.791.727 | - | 2.305.791.727 |
| Phải trả khác | 15.183.116 | 300.000.000 | 315.183.116 |
| Cộng | 3.073.387.456 | 300.000.000 | 3.373.387.456 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 23.017.975.190 | (300.000.000) | 22.717.975.190 |

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Bình Định, ngày 21 tháng 02 năm 2022



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng

MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính